

Nhập Môn Công Nghệ Thông Tin

Bài 09

Chương trình đào tạo & Định hướng nghề nghiệp

Giảng viên: ...

Email: ...



Khoa Công Nghệ Thông Tin
Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên

Nội Dung

- Chương trình đào tạo theo tín chỉ
- Định hướng nghề nghiệp
- Nhu cầu IT hiện tại
- Learning style
- Hệ thống hộ trợ học vụ

Nhập Môn Công Nghệ Thông Tin

Chương trình đào tạo theo tín chỉ

Giảng viên: ...

Email: ...



Khoa Công Nghệ Thông Tin
Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên

Đào tạo theo niên chế

- **Đào tạo theo niên chế**

- Đơn vị đào tạo = năm học
- Chương trình đào tạo thực hiện trong một số năm học
- Người học hoàn thành khối lượng kiến thức – kỹ năng qui định trong năm đó
- Một năm = 2 HK

- **Đặc điểm**

- Người dạy là trung tâm, người học xoay quanh quỹ đạo của người dạy;
- Chương trình học, thời gian, tiến độ và nội dung thường được ân định sẵn
- Sinh viên tham gia với vai trò bị động;
- Sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường
- Khuyến khích tự học nhưng không phải là một phần bắt buộc theo quy định.

Đào tạo theo tín chỉ

- **Tín chỉ** là đơn vị đo khối lượng kiến thức và kết quả học tập tích lũy được. Gồm:
 - Thời gian lên lớp
 - Thời gian thực hành (thí nghiệm, thực tập,...)
 - Thời gian tự học (đọc tài liệu, chuẩn bị bài,...)
- **Học phần** là khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh và có tính độc lập tương đối so với các học phần khác
 - Mỗi học phần thực hành = 1-3 TC
 - Mỗi học phần lý thuyết = 2-5 TC
 - Học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ (15 tuần)
 - Có thể xem đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp như một học phần đặc biệt

Đào tạo theo tín chỉ

- **Học phần bắt buộc:** là học phần chứa đựng các nội dung chính yếu mà SV buộc phải theo học và tích lũy
- **Học phần tự chọn bắt buộc:** là những học phần chứa đựng các nội dung có liên quan đến ngành học mà sinh viên bắt buộc phải chọn một số trong số các học phần tương đương quy định cho ngành đó
- **Học phần tự chọn:** là học phần mà sinh viên có thể tự do đăng ký hoặc không, tùy theo nguyện vọng

Đào tạo theo tín chỉ

- **Học phần tiên quyết** (đối với học phần X): là học phần mà sinh viên bắt buộc phải tích lũy trước khi theo học học phần X
- **Học phần học trước** (đối với học phần Y): là học phần mà sinh viên bắt buộc phải theo học trước khi theo học học phần Y
- **Học phần song hành** (đối với học phần Z): là học phần mà sinh viên có thể hoặc đồng thời với học phần Z

Lịch sử phát triển

- Ra đời năm 1872 tại đại học Harvard. Phát triển nhanh → lan rộng toàn nước Mỹ
- Đầu thế kỷ 20, mở rộng ra Bắc Mỹ và thế giới
- Tại Việt Nam, ĐH Bách Khoa TPHCM áp dụng đầu tiên vào 1995
- Tuyên bố Bologne ra đời 19/6/1999 – Gồm 29 nước
 - “Các nước cam kết thúc đẩy những cải tổ cần thiết trong hệ thống giáo dục đại học của nước mình, trong thời hạn tối đa là đến năm 2010, nhằm đạt được sự tương thích trong các hệ thống đại học quốc gia, để chuẩn hóa bằng cấp giữa các đại học, song vẫn tôn trọng quyền tự chủ của các đại học, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ, cũng như những đặc thù của các hệ thống giáo dục của mỗi nước.”

Chuyển đổi Học phần → Tín chỉ

- **Chuyển đổi sang học chế tín chỉ nhằm:**

- Xây dựng học chế mềm dẻo, lấy người học làm trung tâm. Tạo điều kiện để người học
 - Chọn lựa chương trình & môn học
 - Chủ động xây dựng kế hoạch học tập
 - Quyết định tiến độ học tập
 - Tăng thời gian tự học
 - Phản hồi từ phía người học
- Đảm bảo sự liên thông trong quá trình học tập
- Tạo sản phẩm có tính thích nghi cao với thị trường lao động
- Đưa hệ thống giáo dục đại học VN hội nhập vào khu vực & thế giới theo xu hướng toàn cầu hóa

- **Chuyển đổi sang học chế tín chỉ cần:**

- Kết hợp với phát triển & hiện đại hóa chương trình đào tạo
- Đổi mới
 - Mục tiêu giáo dục
 - Nội dung đào tạo
 - Phương pháp dạy và học
 - Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Đặc điểm của học chế tín chỉ

- Chương trình đào tạo cấu thành các mô-đun (học phần) với các tín chỉ (mỗi học phần có từ 2-5 tín chỉ)
- Quá trình học tập là sự tích lũy kiến thức của người học theo từng học phần (tín chỉ)
- Đăng ký học đầu mỗi học kỳ, lớp học tổ chức theo từng học phần
- Đơn vị học vụ là học kỳ. Mỗi năm có thể chia thành:
 - 2 học kỳ (15-16 tuần)
 - 3 học kỳ (10-12 tuần)
 - 4 học kỳ (10 tuần)
- Đánh giá thường xuyên (quá trình), thang điểm chữ (A, B, C, D, F) điểm trung bình chung tốt nghiệp

Đặc điểm của học chế tín chỉ

- Quy định khối lượng kiến thức phải tích lũy cho từng văn bằng. Khái niệm sinh viên năm I tùy thuộc vào số tín chỉ tích lũy
- Có hệ thống cố vấn học tập: cố vấn để hướng nghiệp và ghi danh và tích lũy cho đúng quy định và sinh hoạt đoàn thể
- Chương trình đào tạo mềm dẻo: cùng với các học phần bắt buộc còn có các học phần tự chọn, cho phép sinh viên dễ dàng điều chỉnh ngành đào tạo
- Có thể tuyển sinh theo học kỳ. Vì tích lũy đủ TC để được cấp bằng, người học không phải chờ đợi một năm học để học lại những gì cần học (do thi không đạt,...)

Đặc điểm của học chế tín chỉ

- Không thi tốt nghiệp dưới mọi hình thức
- Chỉ có một văn bằng chính quy với 2 loại hình học tập trung và không tập trung. Việc liên thông thực hiện khá dễ dàng

Thời gian của toàn khóa học

- **Thời gian theo kế hoạch:** là thời gian cần thiết cho sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo được nhà trường xây dựng theo kế hoạch
- **Thời gian tối thiểu và tối đa hoàn thành chương trình học:** là thời gian ngắn nhất và dài nhất mà mỗi sinh viên được phép đăng ký để hoàn thành khóa học của riêng mình

Hệ đào tạo	Thời gian kế hoạch	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa
Đại học	4 năm - 8 học kỳ	3 năm - 6 học kỳ	8 năm - 16 học kỳ
Cao đẳng	3 năm - 6 học kỳ	2 năm - 4 học kỳ	6 năm - 12 học kỳ

Khối lượng tín chỉ đăng ký/HK

- Tối thiểu là 14TC và tối đa 25TC cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối (*SV học lực bình thường*)
- Tối thiểu 10TC và tối đa 20TC cho mỗi học kỳ (*SV học lực yếu*)
- Tối đa 6TC cho học kỳ hè

Đánh giá học phần

- Điểm kiểm tra trong quá trình học tập;
- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia
- Điểm đánh giá phần thực hành;
- Điểm chuyên cần;
- Điểm thi giữa học phần;
- Điểm tiêu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Cách tính điểm

▪ Loại đạt: A (8,5 - 10)

Giỏi

B (7,0 - 8,4)

Khá

C (5,5 - 6,9)

Trung bình

D (4,0 - 5,4)

Trung bình yếu

▪ Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

- *A là điểm trung bình chung (HK, LT)*
- *a_i là điểm của học phần thứ i*
- *n_i là số tín chỉ của học phần thứ i*
- *n là tổng số học phần.*

KLTN & ĐATN

- **Điều kiện chung**

- Sinh viên không chịu hình thức kỷ luật nào
- SV đạt điểm trung bình tích lũy ≥ 2.0 & đủ số TC

- **Điều kiện riêng của từng KHOA – Bộ môn**

Xét tốt nghiệp

- **Điều kiện**

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 5.0 trở lên;
- Đã đạt kỳ thi kiểm tra Chuẩn Tiếng Anh đầu ra và Chuẩn Tin học đầu ra do Nhà trường quy định.

- **Qui trình**

- SV đủ điều kiện làm đơn nộp KHOA/BM theo thời gian quy định → Hội đồng Khoa học – Đào tạo của Khoa/BM lập danh sách gửi Hội đồng nhà trường
- Hội đồng nhà trường xét vào cuối tháng 3,6,9,12 hàng năm trình hiệu trưởng ký quyết định

Hạng tốt nghiệp

- Được xác định dựa vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa



Nhập Môn Công Nghệ Thông Tin

Định hướng nghề nghiệp

Giảng viên: ...

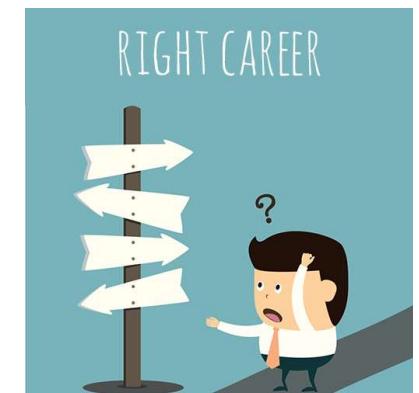
Email: ...



Khoa Công Nghệ Thông Tin
Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên

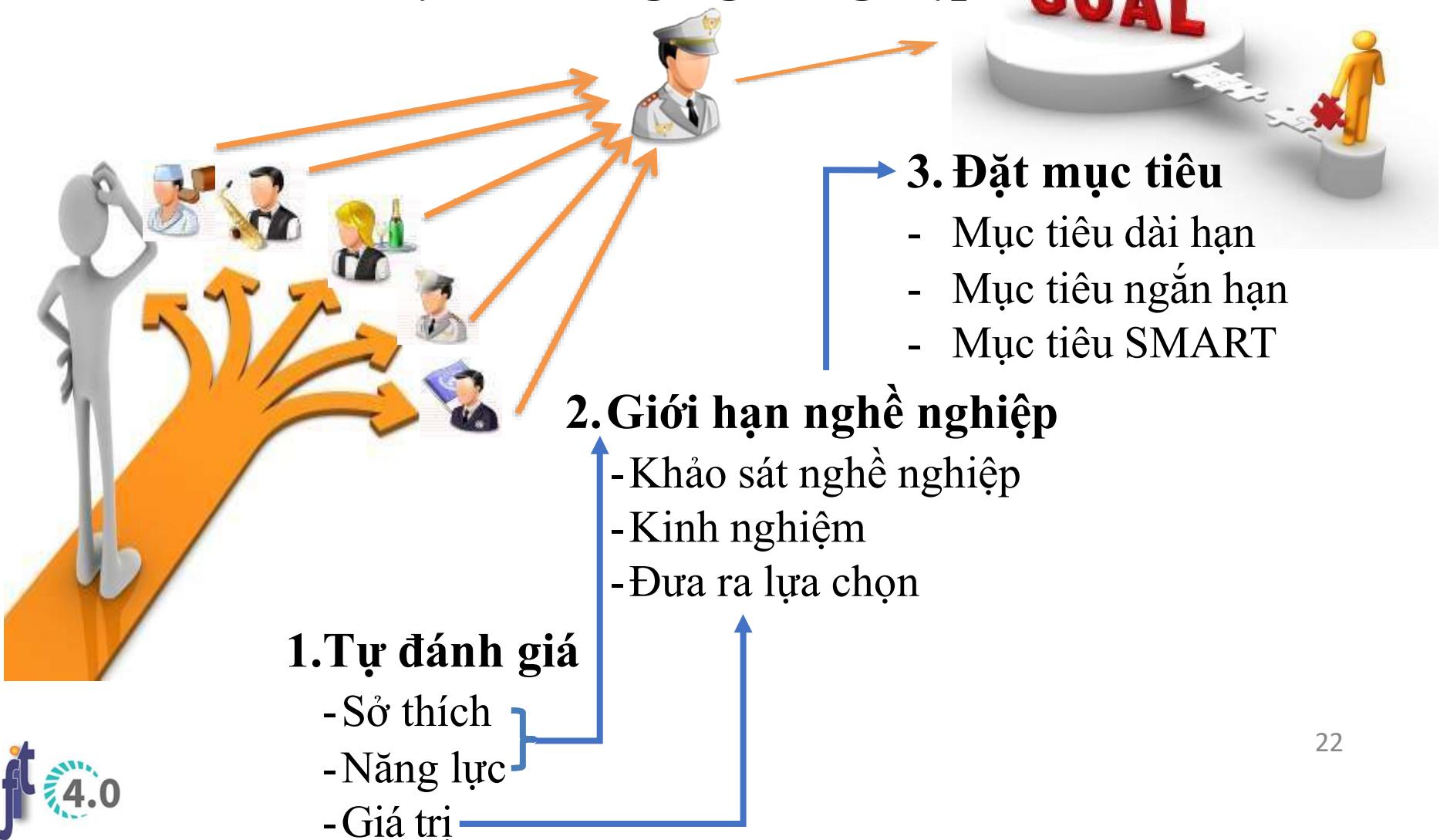
Giới thiệu

- **Định hướng nghề nghiệp là gì?**
 - Là quá trình lựa chọn nghề nghiệp
 - Là quá trình thiết lập mục tiêu cần thiết để đạt được nghề nghiệp đã chọn
- **Tại sao phải định hướng nghề nghiệp?**
 - Để tự tin thiết lập và đạt được mục tiêu
 - Tăng khả năng thành công và cải thiện kỹ năng trong công việc



Giới thiệu

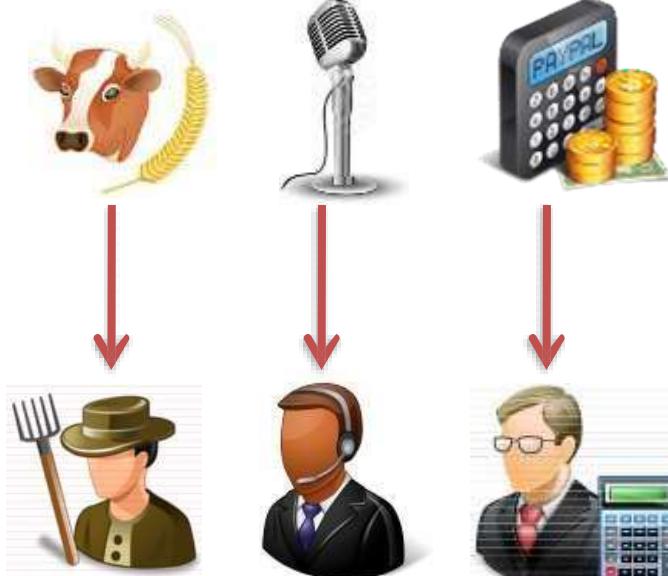
• Các bước định hướng nghề nghiệp



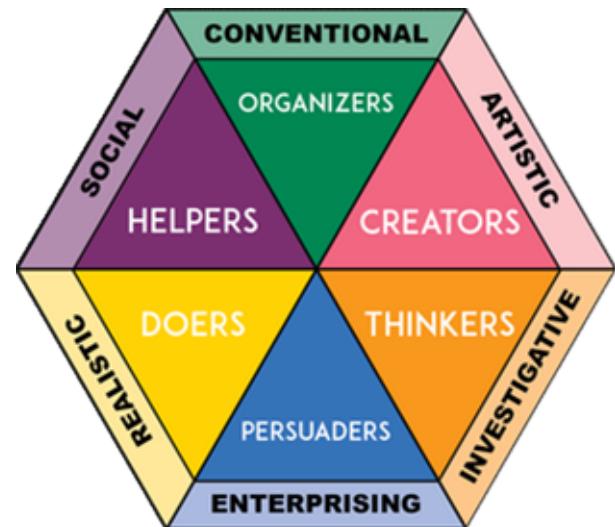
Tự đánh giá

- Sở thích - công việc bạn thích
- VD:
- Năng lực - công việc mà bạn làm tốt
- Holland code bài trắc nghiệm tính cách

Sở thích



Công việc



Which **role** best describes **YOU?**

Lập danh sách công việc

Tự đánh giá

- Giá trị là đặc trưng được bạn đánh giá là quan trọng

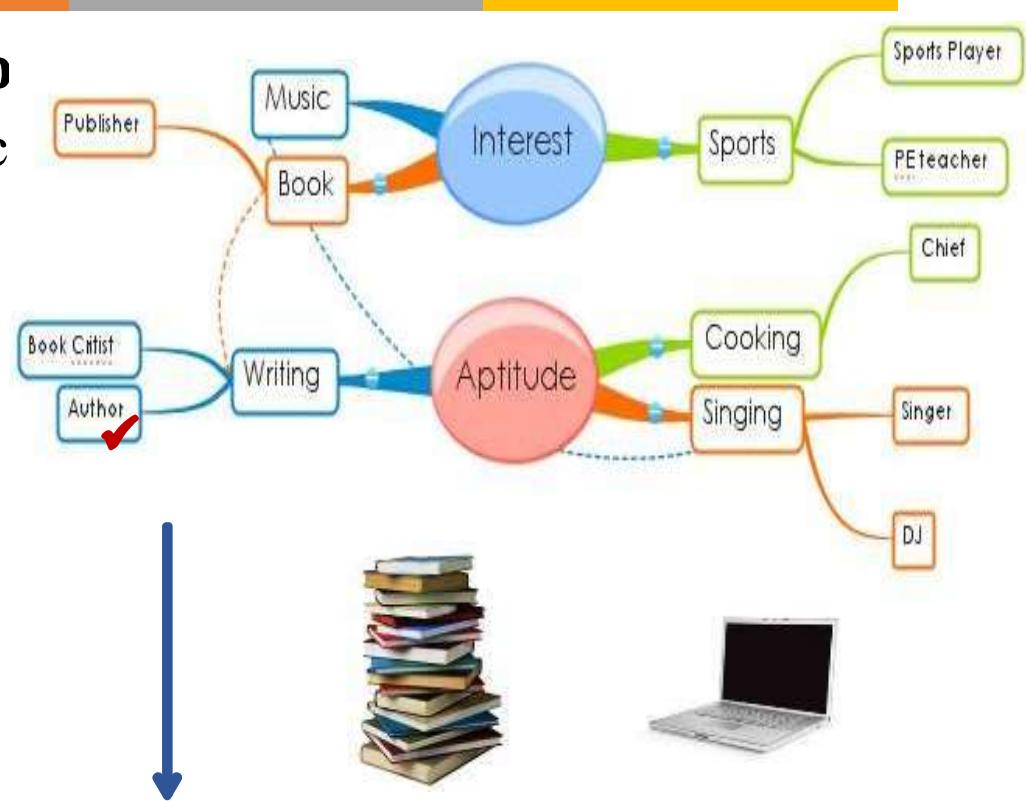
< Work value inventory >



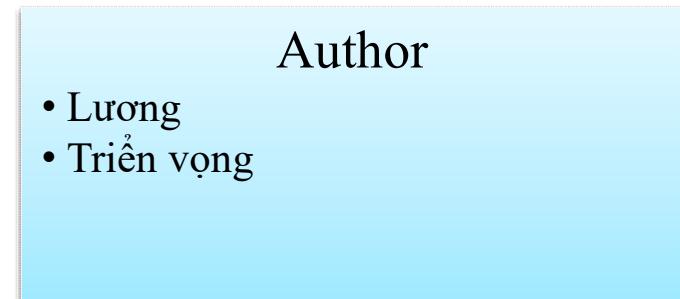
PHYSICAL VALUES	ORGANIZATIONAL VALUES	PSYCHOLOGICAL VALUES
Accuracy	Accountability	Commitment
Cleanliness	Communication	Creativity
Continuous improvement	Cooperation	Decisiveness
Efficient use of money & materials	Coordination	Determination
Maintenance of equipment	Discipline	Harmony
Maximum utilization of time	Freedom	Humility
Optimum utilization of space	Innovation	Integrity
Orderliness	Invention	Pleasing others
Punctuality	Leadership	Resourcefulness
Quality of product service or work	Openness	Respect for others
Regularity	Standardization	Service to society
Speed	Systemization	Tolerance
Speed	Teamwork	Trust

Thu hẹp danh sách

- **Lập danh sách nghề nghiệp**
 - Dựa vào sở thích và năng lực
 - Chất lượng quan trọng hơn số lượng
- **Indoor research**
 - Nội dung nghiên cứu là gì?
→ Nhân tố bạn cho là quan trọng
 - Tài liệu nghiên cứu ở đâu?
→ Thư viện, Internet



Giá trị



Thu hẹp danh sách

- **Outdoor research**

- Kinh nghiệm

- Quan điểm cá nhân khác nhau tùy trải nghiệm của mỗi người
 - Thấy được lỗ hổng cần điều chỉnh của bản thân

- Cố vấn

- Tiếp nhận nhiều thông tin bổ ích qua kinh nghiệm thực tế
 - Nên chuẩn bị trước các vấn đề nghiên cứu trước khi được tư vấn

Thu hẹp danh sách

- Match

- Bước 1: mở rộng

- Sở thích
 - Năng lực

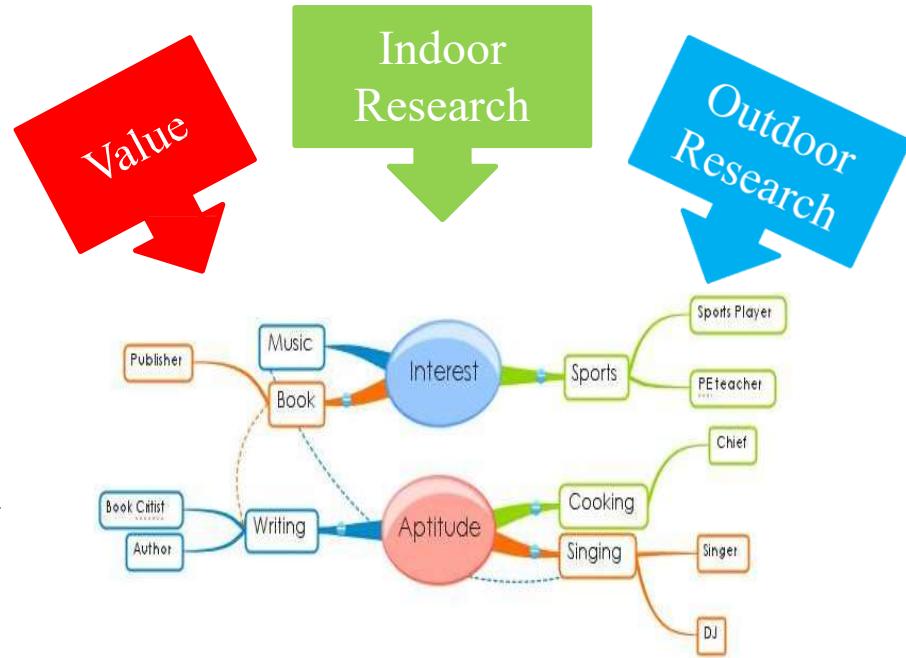
- Bước 2: thu hẹp

- Giá trị
 - Nghiên cứu chủ quan
 - Nghiên cứu khách quan

- Choice

- Rating method

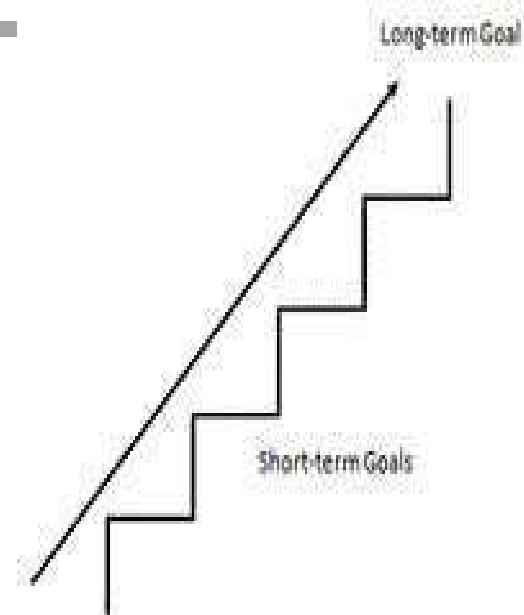
- Lập bảng
 - Cho điểm
 - Tính điểm
 - Chọn việc có điểm tốt nhất



Job	A	B	C	D	E	Sum
Publisher	o		o	o		3
Chief		o				1
Author	o	o	o	o	o	5
Singer	o		o			2
Book critist			o	o	o	3
DJ		o				1
PE teacher	o		o	o		3

Đặt mục tiêu

- Mục tiêu dài hạn

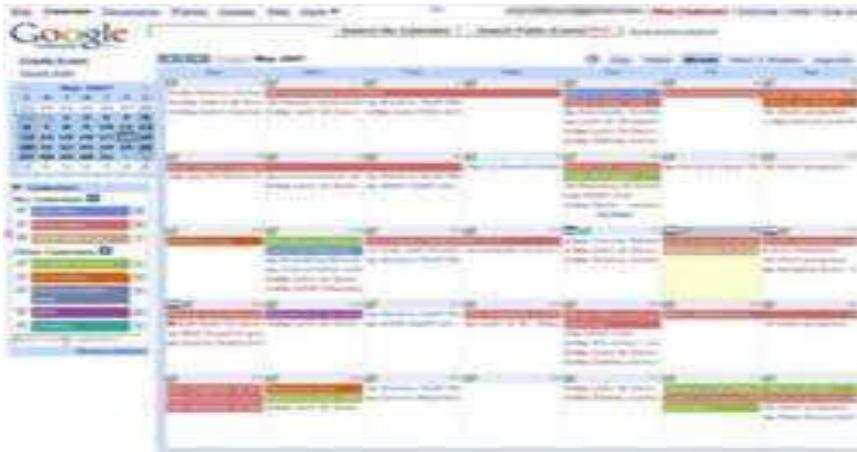


1. Lập kế hoạch để đạt được mục tiêu trong thời gian dài

2. Đảm bảo trình độ và kỹ năng cần thiết để đạt được mục tiêu

Đặt mục tiêu

- Mục tiêu ngắn hạn



1. *Mục tiêu ngắn hạn là gì?*

Việc phải làm hàng ngày
HOẶC

Việc muốn đạt được trong thời gian ngắn

2. Từng bước thực hiện mục tiêu ngắn hạn sẽ đạt được mục tiêu dài hạn

Đặt mục tiêu



Are your Goals **SMART?**

Bạn muốn
đạt được gì
trong lĩnh
vực mình
chọn?

Tại sao
mục tiêu
này quan
trọng với
bạn?

Các bước
cần thực
hiện để đạt
được mục
tiêu này là
gì?

Làm thế
nào biết
được bạn
có thể đạt
được mục
tiêu?

Khi nào
bạn muốn
đạt được
mục tiêu
này?

Ví dụ

- **Mục tiêu dài hạn:** Tôi muốn bắt đầu kinh doanh
 - **Specific:** tôi sẽ bán thẻ handmade trên *Etsy.com*.
 - **Measurable:** tôi có thể nhận đơn hàng đầu tiên trong 4 tuần. Và đặt mục tiêu mỗi tuần một đơn hàng
 - **Attainable:**
 - Tôi sẽ set up trên *etsy.com* trước
 - Xây dựng kho hàng với 30 thẻ
 - Thúc đẩy công việc kinh doanh và xây dựng mối quan hệ khách hàng thông qua truyền miệng, giới thiệu và trên các trang mạng
 - **Relevant:** bán thẻ handmade giúp tôi cải thiện tài chính dựa vào sở thích của mình
 - **Time-Based:** Cửa hàng của tôi trên *Etsy.com* sẽ hoạt động trong 4 tuần nữa và sẽ có một kho 30 thẻ để bán trong vòng 6 tuần sau đó

Nhập Môn Công Nghệ Thông Tin

Nhu Cầu Nhân Lực Ngành IT

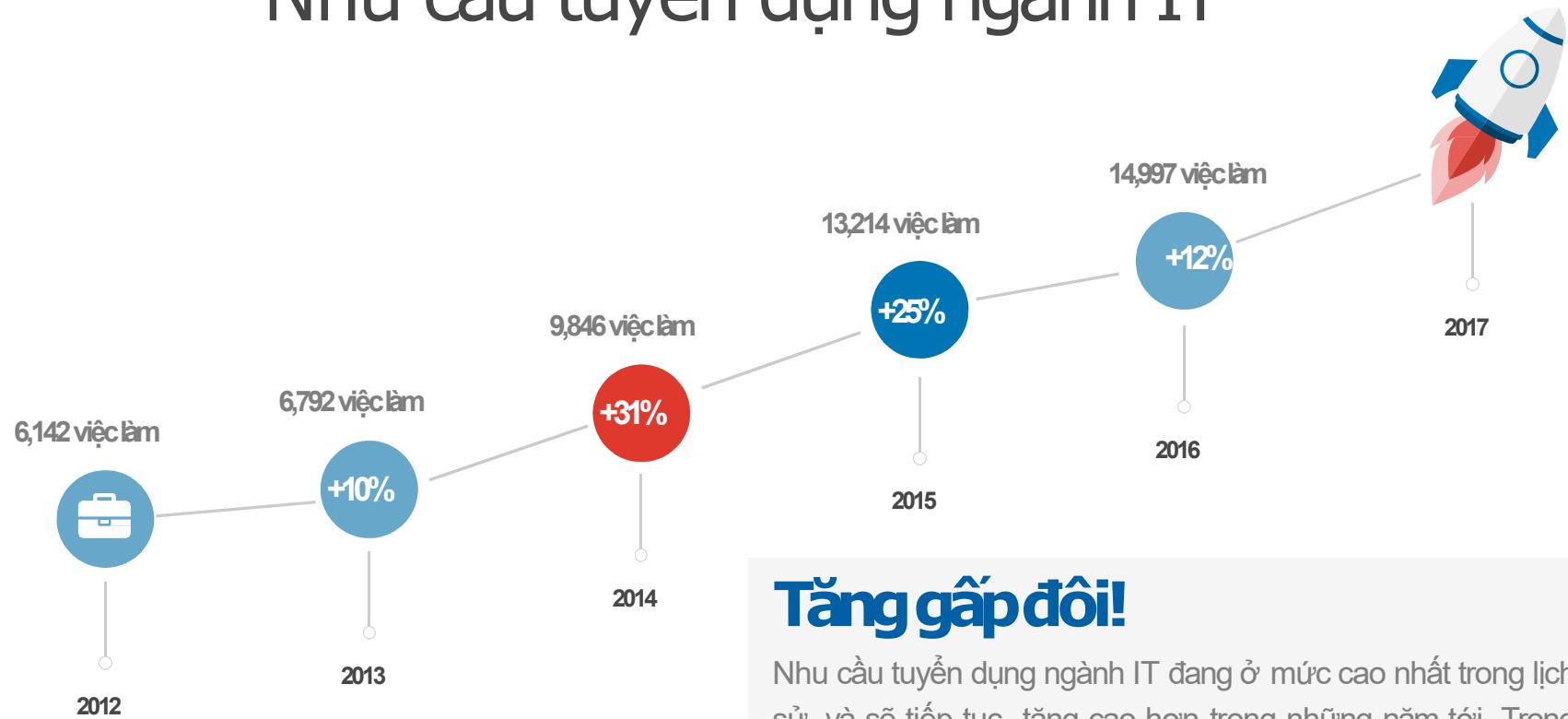
Giảng viên: ...

Email: ...



Khoa Công Nghệ Thông Tin
Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên

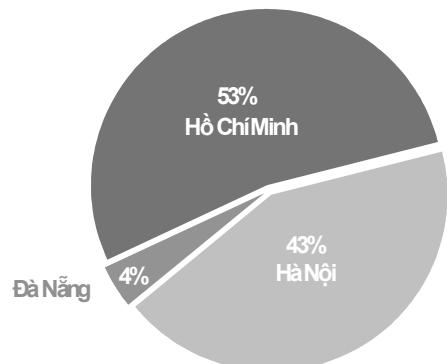
Nhu cầu tuyển dụng ngành IT



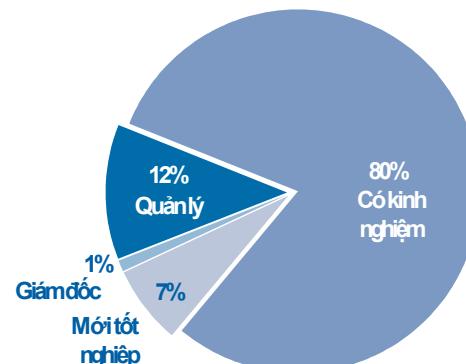
Tăng gấp đôi!

Nhu cầu tuyển dụng ngành IT đang ở mức cao nhất trong lịch sử, và sẽ tiếp tục tăng cao hơn trong những năm tới. Trong khoảng 3 năm trở lại đây, số lượng việc làm được đăng tải đã gia tăng **GẤP ĐÔI!** Theo tiến độ đó, chúng ta sẽ cần đến 400,000 nhân lực trước cuối năm 2018, nhưng cho đến hiện tại, chỉ có khoảng **250,000 kỹ sư đang làm việc trong ngành IT**.

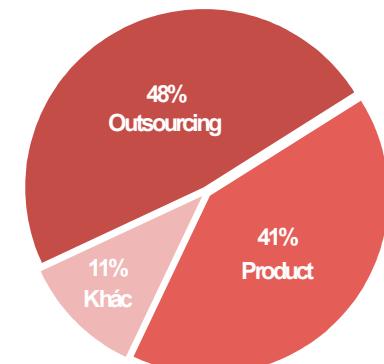
Thống kê nhu cầu nhân sự ngành IT



Theo thành phố



Theo cấp bậc



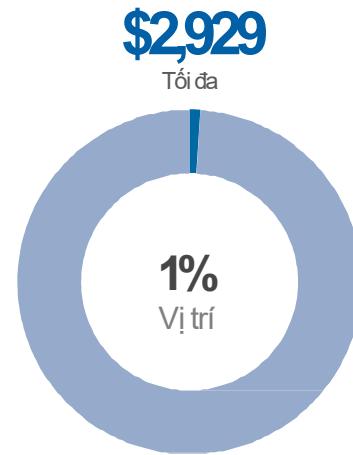
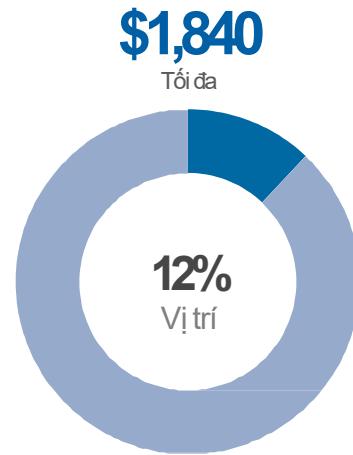
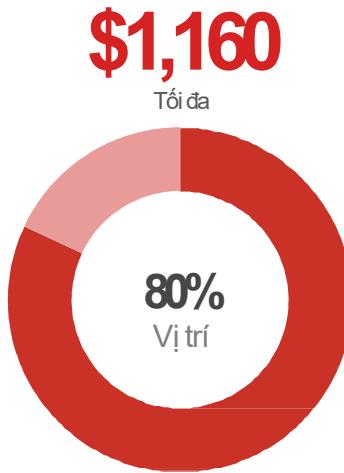
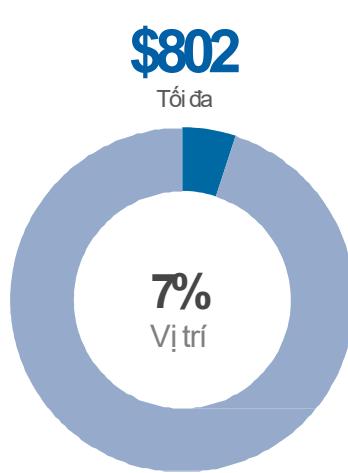
Theo loại hình công ty

80% việc làm IT yêu cầu hơn 2 năm kinh nghiệm

Việt Nam được xem là một trong những mảnh đất hứa dành cho lĩnh vực IT outsourcing. Cách đây 15 năm, thị trường ngành CNTT bị chi phối chủ yếu bởi các công ty gia công phần mềm lớn, hiện nay xu hướng này đang chuyển dần hướng dịch vụ, **khá nhiều các công ty phát triển sản phẩm** đã xây dựng văn phòng làm việc và trung tâm phát triển ở Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là trung tâm công nghệ lớn nhất trong cả nước, tuy nhiên không thể không kể đến những phát triển vượt bậc và tiềm năng cạnh tranh của Hà Nội. Trong đó, đa phần các vị trí tuyển dụng đều yêu cầu ứng viên **có hơn 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phát triển phần mềm**.

Mức lương theo cấp bậc

Mức lương tối đa mà 80% các vị trí tuyển dụng IT có thể trả, được tổng hợp từ hàng ngàn nhà tuyển dụng tại VietnamWorks trong 6 tháng gần đây nhất



Chương trình thực tập là bước đệm để khởi động sự nghiệp ngành IT. Sau 1 năm làm việc, mức lương của họ tăng lên đáng kể.

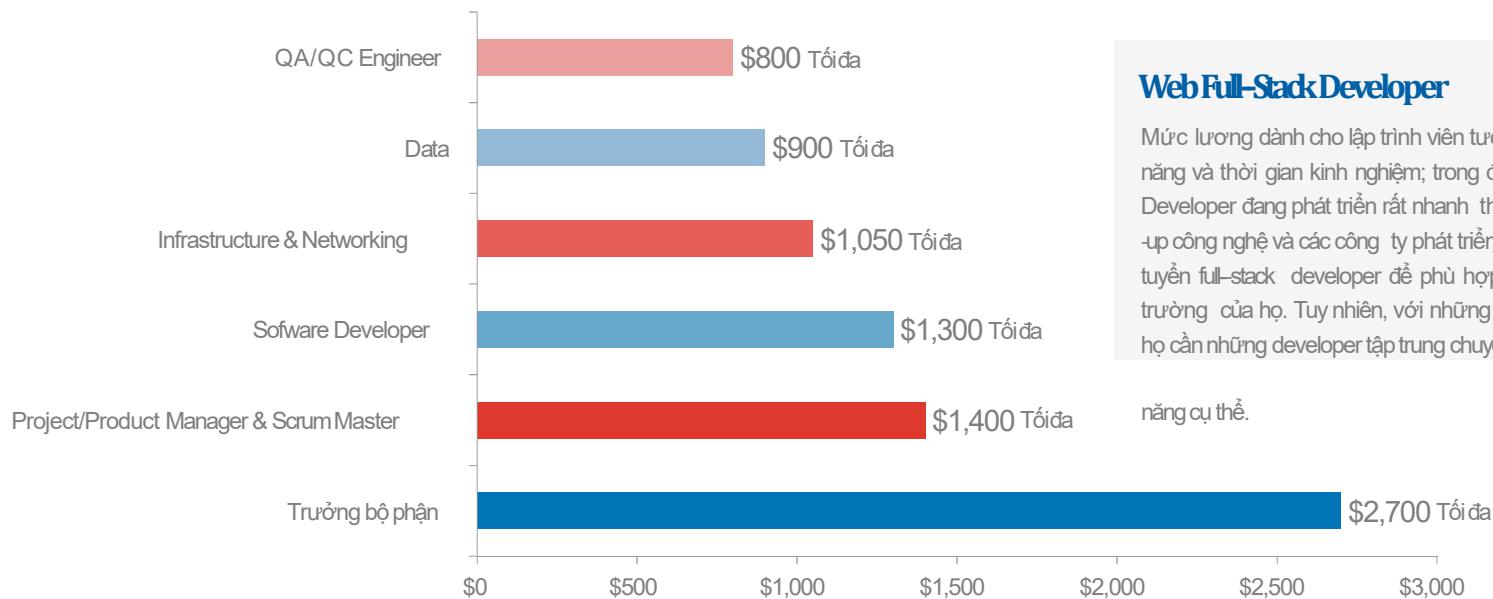
Đa phần các vị trí tuyển dụng dành cho Software Developer, Tech Lead và Tech Architects với ít nhất 2 năm kinh nghiệm.

Nhà tuyển dụng cũng gặp khá nhiều khó khăn khi tìm kiếm những vị trí quản lý đòi hỏi kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ.

Các vị trí Giám đốc và C-level thường có nhiều cơ hội hơn cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Mức lương theo vai trò

Mức lương tối đa mà 80% các ứng viên IT nhận được, theo dữ liệu khảo sát.



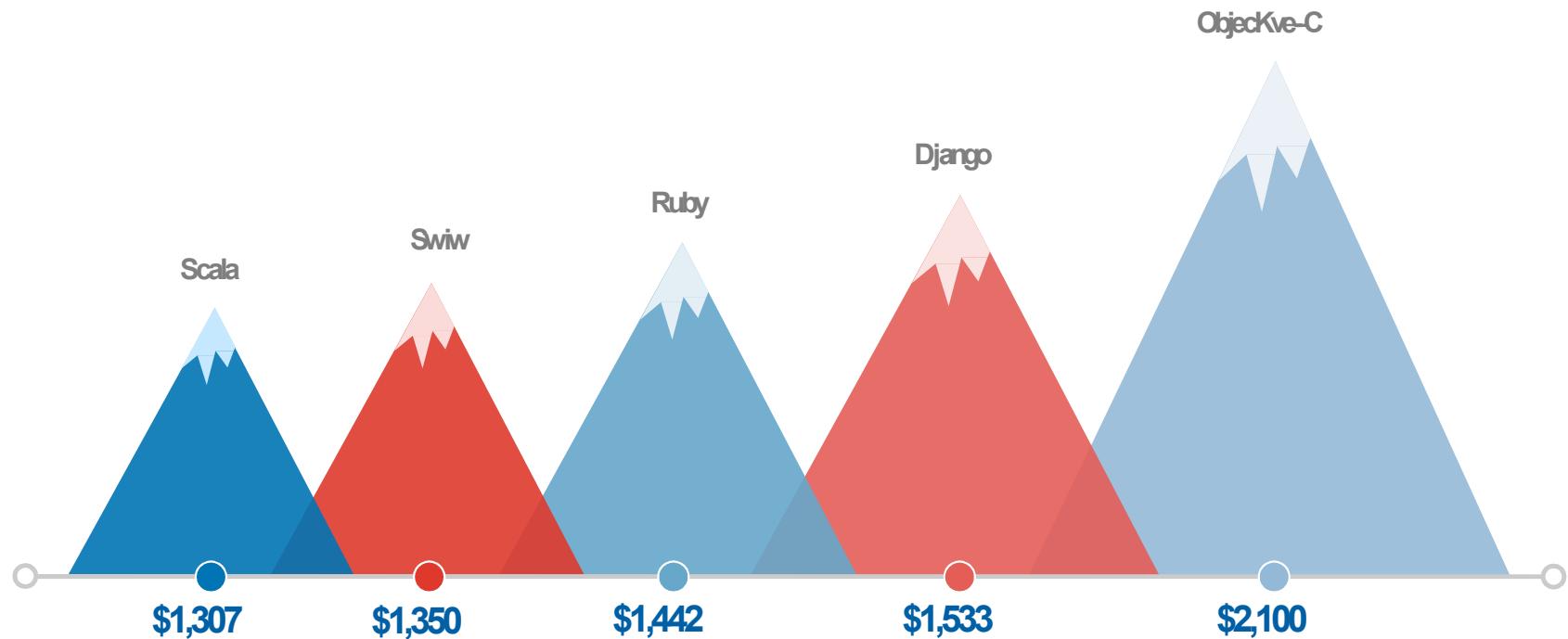
Web Full-Stack Developer

Mức lương dành cho lập trình viên tương đối rộng, tùy thuộc vào kỹ năng và thời gian kinh nghiệm; trong đó, vai trò của Web Full-Stack Developer đang phát triển rất nhanh thời gian qua. Các tổ chức start-up công nghệ và các công ty phát triển sản phẩm hầu như đều muốn tuyển full-stack developer để phù hợp với ảnh linh hoạt trong môi trường của họ. Tuy nhiên, với những công ty đã hoạt động lâu năm, họ cần những developer tập trung chuyên sâu về từng kỹ

năng cụ thể.

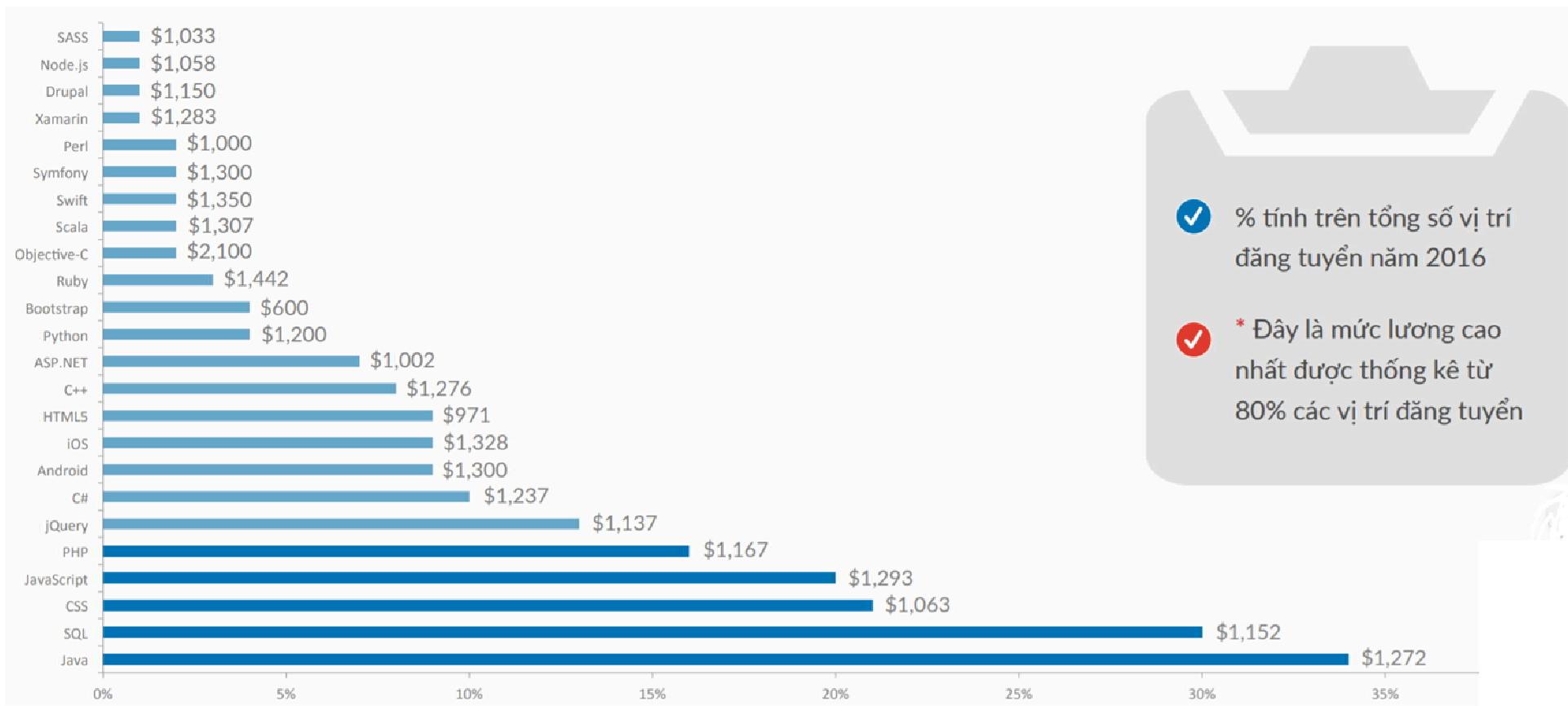
Top 5 kỹ năng được trả lương cao nhất

Công ty IT sẵn sàng trả mức lương cao hơn 80% vị trí tuyển dụng cho ứng viên có kinh nghiệm trên từng ngôn ngữ dưới đây



Những kỹ năng “nóng” nhất 2017

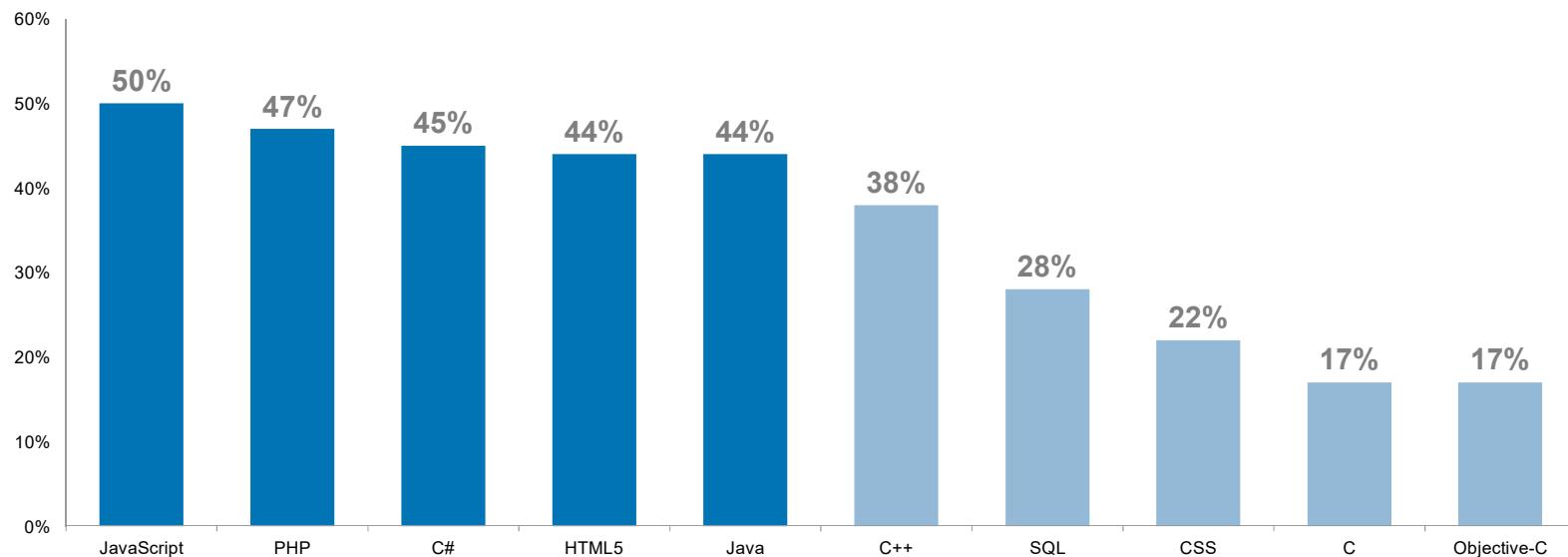
Những kỹ năng hàng đầu được nhà tuyển dụng săn đón, cùng với mức lương* thống kê trong năm 2016



Những kỹ năng được tìm kiếm nhiều nhất trên VietnamWorks?



Các công ty cần kỹ năng gì trong năm 2017?

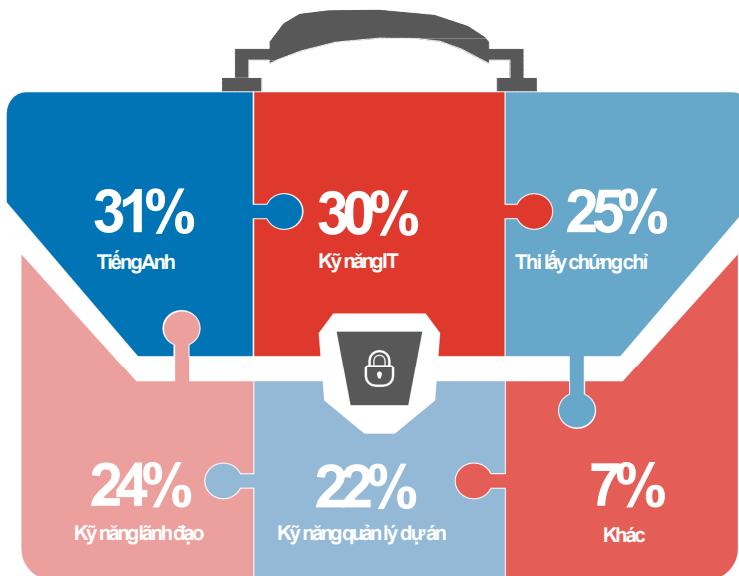


Nhu cầu JavaScript đang tăng mạnh!

Ngoài JavaScript, C# vẫn chiếm một thị phần đáng kể vì ảnh đơn giản hiện đại, thường được sử dụng phía front-end, để phát triển những ứng dụng Windows và các website chạy trên Windows server.

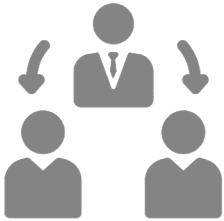
Những khóa học dân IT đang được công ty đào tạo

Bạn đang được công ty hỗ trợ chi phí đào tạo những nội dung gì?



Chỉ $\frac{1}{4}$ số người tham gia khảo sát được công ty hỗ trợ các khoá training

Trong đó, tiếng Anh là ưu tiên hàng đầu, kế đến là kỹ năng IT và các khóa học luyện thi lấy chứng chỉ. Tuy nhiên, những khóa học hay chứng chỉ nào có giá trị nhất trong mắt nhà tuyển dụng?



47%

Quản lý dự án

Project Management Professional (PMP) là chứng chỉ được đánh giá cao nhất.



41%

Agile

Vai trò của Scrum Master và Product Owner ngày càng lớn mạnh, trở thành mục tiêu săn đón của nhiều công ty.



39%

Cisco

Chứng chỉ Networking & Security có tầm ảnh hưởng trên toàn cầu và Cisco là một cái tên nổi trội.



31%

Microsoft

MCSA/MCSE bao gồm Cloud Platform, Web applications, Infrastructure, SQL server...



22%

Amazon Web Services

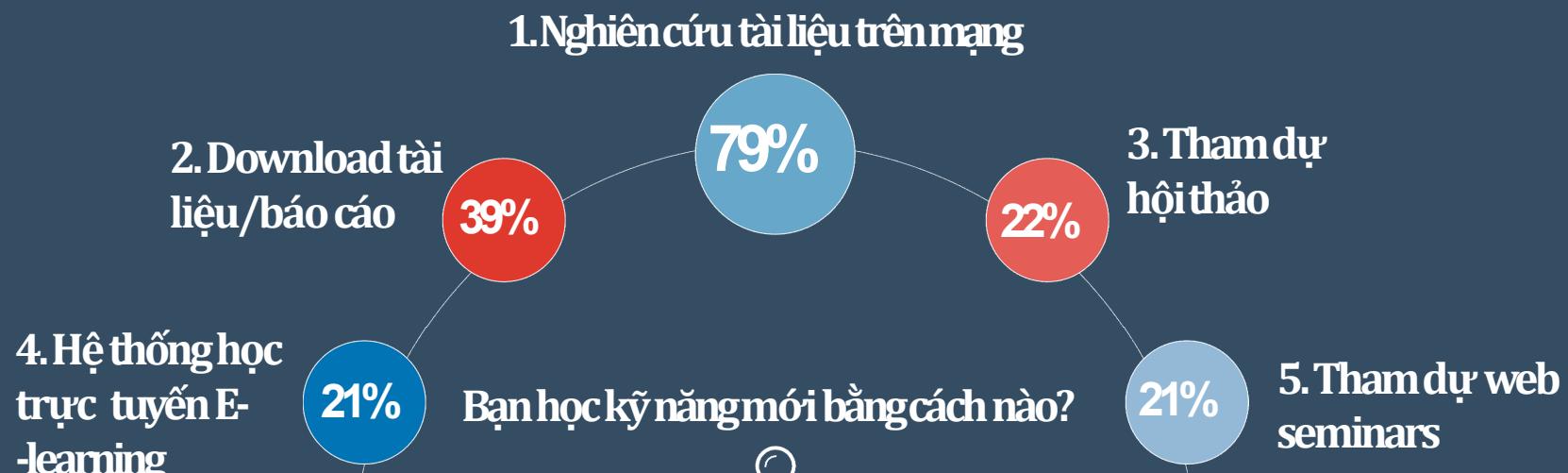
Amazon Certified Solutions Architect đang trở thành một chứng chỉ PHẢI CÓ dành cho những ai mê điện toán đám mây.

Kỹ năng quản lý dự án là chứng chỉ có giá trị nhất!

54% nhà tuyển dụng sẵn sàng trả một mức lương cao hơn, dành cho những ứng viên có các chứng chỉ liên quan, và đa phần các công ty đều có chính sách hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học và thi lấy chứng chỉ liên quan đến công việc.

Dân IT tự học kỹ năng mới bằng cách nào?

Bên cạnh các khoá học chuyên môn, dưới đây là những hướng tiếp cận họ đã chọn để bắt kịp thị trường công nghệ.



4.Techstacksio

Khám phá những điểm nóng công nghệ, từ những tổ chức Startups và ứng dụng nổi tiếng.



2.Coursera

Hàng ngàn khoá học online giúp bạn trau dồi kỹ năng.



5 cỗng thông tin online hữu ích nhất dành cho dân IT



1.Medium

Mỗi ngày có hàng ngàn người đọc, viết và chia sẻ những câu chuyện công nghệ trên Medium.



3.Quora

Chuyên trang hỏi đáp mọi vấn đề liên quan đến công nghệ



5.Amazon

Truy cập cổng thư viện lớn & mới nhất của thế giới

Bạn có thực sự muốn học thêm?

Có hàng ngàn cỗng thông tin để bạn tự học và trau dồi kiến thức cho riêng mình: blogs, các trang training online, diễn đàn, ...

Nhập Môn Công Nghệ Thông Tin

Chứng Chỉ Công Nghệ Thông Tin

Giảng viên: ...

Email: ...

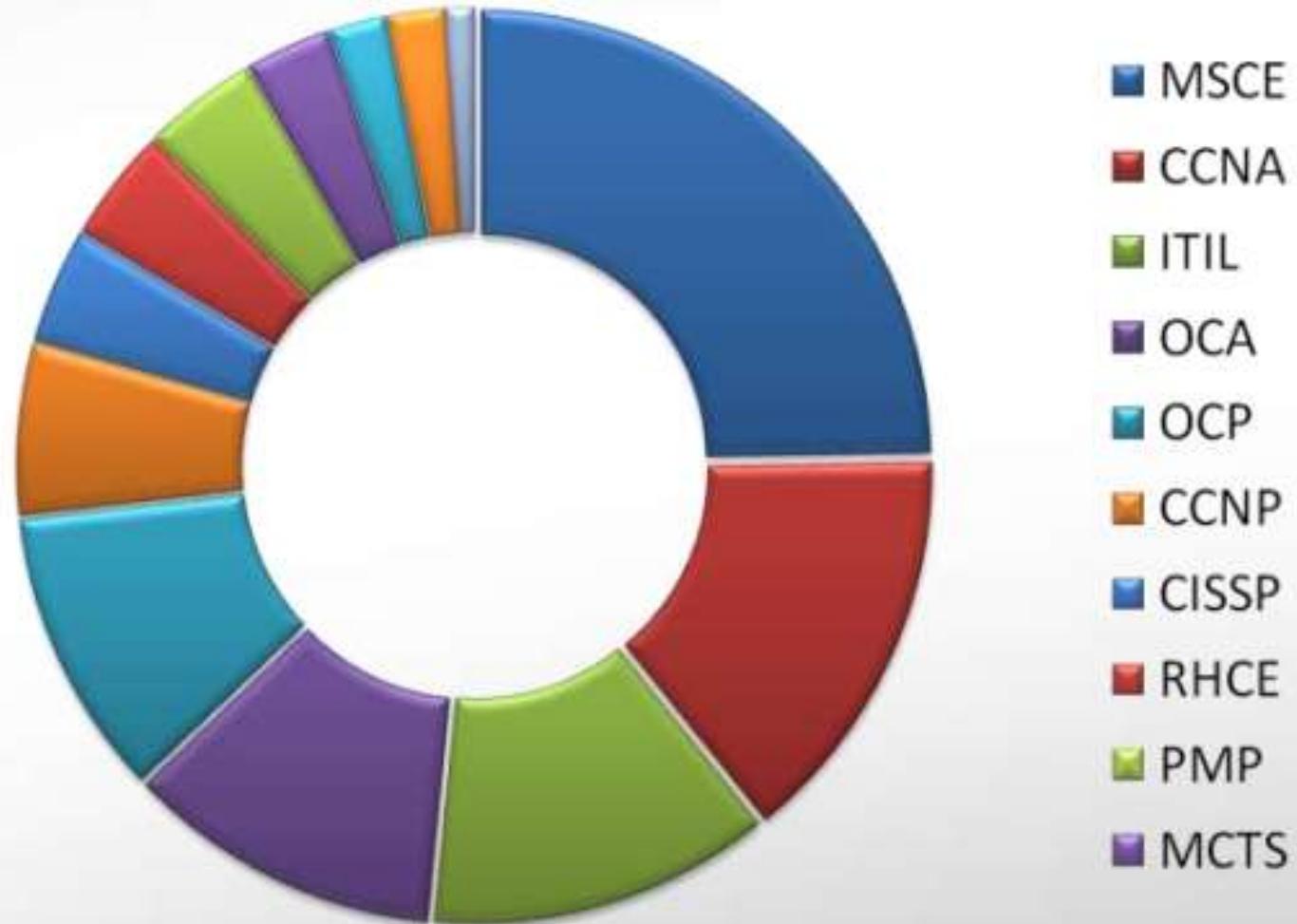


Khoa Công Nghệ Thông Tin
Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên

Chứng chỉ CNTT là gì?

- Chứng chỉ (*certification*) là chứng nhận được cấp cho một người hoặc tổ chức.
- Giúp đánh giá toàn diện về mặt kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực CNTT
- Giúp tích lũy kỹ năng thực tế, kinh nghiệm và cách tiếp cận tiên tiến
- Chứng chỉ được đào tạo, giám sát bởi cơ quan cấp chứng nhận

Nhu cầu



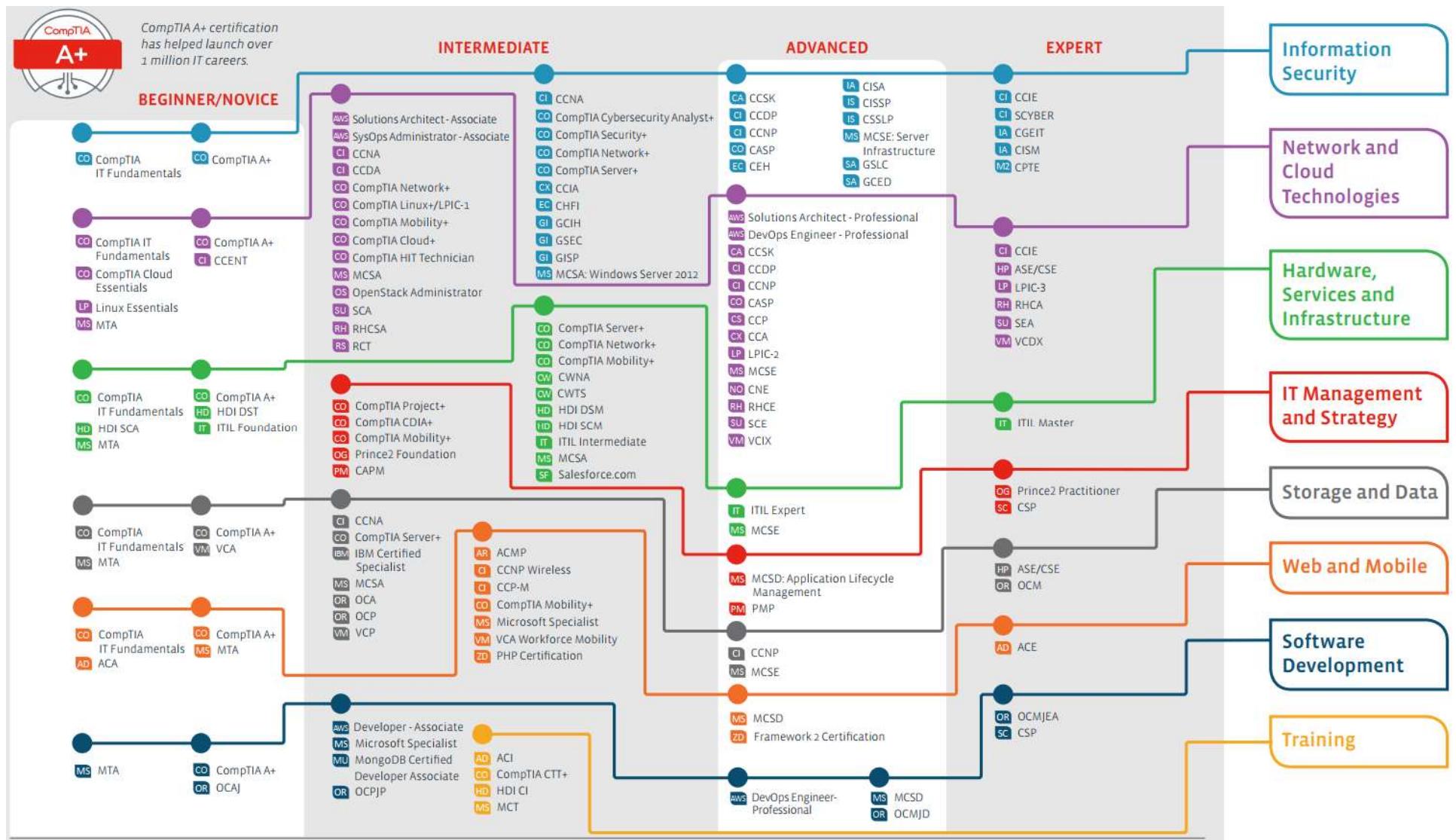
Lợi ích

- **Đối với nhân viên IT**
 - Cung cấp kiến thức cần thiết
 - Tiết kiệm thời gian, chi phí
 - Tạo uy tín và lợi thế trong tuyển dụng
- **Đối với công ty**
 - Tiết kiệm thời gian đào tạo nhân lực
 - Hỗ trợ đấu thầu dự án

Các đơn vị cấp chứng chỉ

Đơn vị cấp	Phần trăm
Microsoft	23.4%
Cisco	21.4%
VMware	11.2%
Oracle	8.3%
CompTIA	8.3%
IBM	6.9%
HPE	5.2%
Dell EMC	3.95%
Juniper	2.9%
Linux professional Institute (LPI)	2.7%

Phân loại



CO CompTIA Certifications

BEGINNER/NOVICE
CompTIA A+
CompTIA Cloud Essentials
CompTIA IT Fundamentals
INTERMEDIATE
CompTIA CDIA+: Certified Document Imaging Architect
CompTIA Cloud+
CompTIA CTT+: Certified Technical Trainer
CompTIA Cybersecurity Analyst+
CompTIA Linux+/LPIC-1
CompTIA Mobility+
CompTIA Network+
CompTIA Project+
CompTIA Security+
CompTIA Server+
CompTIA SSCP: Social Media Security Professional
ADVANCED
CASP: CompTIA Advanced Security Practitioner

AD Adobe

BEGINNER/NOVICE
ACA: Certified Solutions Architect Associate
INTERMEDIATE
ACI: Adobe Certified Instructor
EXPERT
ACE: Adobe Certified Expert

AR Aruba

INTERMEDIATE
ACMP: Aruba Certified Mobility Professional

AWS Amazon Web Services

INTERMEDIATE
AWS: Certified Solutions Architect - Associate
AWS: Certified SysOps Administrator - Associate
ADVANCED
AWS: Certified Solutions Architect - Professional
AWS: Certified DevOps Engineer - Professional

CA Cloud Security Alliance

ADVANCED
CCSK: Certificate of Cloud Security Knowledge

CI Cisco Systems

BEGINNER/NOVICE
CCENT: Cisco Certified Entry Networking Technician
INTERMEDIATE

BEGINNER/NOVICE
CCDA: Cisco Certified Design Associate
CCNA: Cisco Certified Network Associate

ADVANCED

CCDP: Cisco Certified Design Professional
CCNP: Cisco Certified Network Professional

EXPERT

CCIE: Cisco Certified Internetwork Expert
SCYBER: Securing Cisco Network with Threat Detection and Analysis

CS The Cloud School

ADVANCED
CCP: Cloud Certified Professional

CW CWNP

INTERMEDIATE
CWNA: Certified Wireless Network Administrator
CWTS: Certified Wireless Technology Specialist

CX Citrix

INTERMEDIATE
CCIA: Citrix Certified Integration Architect

ADVANCED

CCA: Citrix Certified Administrator

EC EC Council

INTERMEDIATE
CHFI: Computer Hacking Forensic Investigator

ADVANCED

CEH: Certified Ethical Hacker

GI GIAC

INTERMEDIATE
GCIH: GIAC Certified Incident Handler
GISP: GIAC Information Security Professional
GSEC: GIAC Security Essentials

GO Google

BEGINNER/NOVICE
GACA: Google Apps Certified Administrator

HD HDI Global Certification

BEGINNER/NOVICE
HDI DST: HDI Desktop Support Technician
HDI SCA: HDI Support Center Analyst
INTERMEDIATE
HDI CI: HDI Certified Instructor
HDI DSM: HDI Desktop Support Manager
HDI SCM: HDI Support Center Manager

HP Hewlett-Packard

EXPERT
ASE/CSE: Accredited Systems Engineer and Certified Systems Engineer

IA ISACA

ADVANCED
CISA: Certified Information Systems Auditor
EXPERT
CGEIT: Certified in the Governance of Enterprise IT
CISM: Certified Information Security Manager

IBM IBM

INTERMEDIATE
IBM Certified Specialist

IS ISC²

ADVANCED
CISSP: Certified Information Systems Security Professional
CSSLP: Certified Secure Software Lifecycle Professional

IT ITIL

BEGINNER/NOVICE
ITIL Foundation

INTERMEDIATE

ITIL Intermediate

ADVANCED

ITIL Expert

EXPERT

ITIL Master

LP Linux Professional Institute

BEGINNER/NOVICE

Linux Essentials

INTERMEDIATE

LPIC-1 Linux Professional

ADVANCED

LPIC-2 Linux Professional

EXPERT

LPIC-3 Linux Professional

M2 Mile2

EXPERT
CPTE: Certified Penetration Testing Engineer

MS Microsoft

BEGINNER/NOVICE
MTA: Microsoft Technology Associate

INTERMEDIATE

MCSA: Microsoft Certified Solutions Associate

MCSA: Windows Server 2012

MCT: Microsoft Certified Trainer

ADVANCED

MCSD: Microsoft Certified Solutions Developer

INTERMEDIATE
MCSE: Microsoft Certified Solutions Expert

MS: Developing Microsoft Azure Solutions

MS: Implementing Microsoft Azure Infrastructure Solutions Management

MCSD: Application Lifecycle Management
MCSE: Microsoft Certified Solutions Expert Server Infrastructure

MU MongoDB University

INTERMEDIATE
MongoDB Certified Developer Associate

NO Novell

ADVANCED
CNE: Certified Novell Engineer

OG Office of Government Commerce/Prince2

INTERMEDIATE
Prince2 Foundation: Office of Government Commerce (OGC)
Prince2 Foundation

EXPERT
Prince2 Practitioner: Office of Government Commerce (OGC)
Prince2 Practitioner

OR Oracle

BEGINNER/NOVICE
OCAJ: Oracle Certified Associate, Java SE 6/SE 5

INTERMEDIATE
OCA: Oracle Certified Associate
OCP: Oracle Certified Professional
OCPJP: Oracle Certified Professional, Java SE 6/SE 5 Programmer

ADVANCED
OCMJJD: Oracle Certified Master, Java SE6 Developer

EXPERT
OCM: Oracle Certified Master
OCMJE: Oracle Certified Master, Java EE 5 Enterprise Architect

PM PMI

INTERMEDIATE
CAPM: PMI Certified Associate in Project Management

ADVANCED
PMP: PMI Project Professional

RH Red Hat

INTERMEDIATE
RHCSA: Red Hat Certified System Administrator

ADVANCED
RHCE: Red Hat Certified Engineer

EXPERT
RHCA: Red Hat Certified Architect

RS Rackspace

INTERMEDIATE
RCT: Rackspace Certified Technician

SC Scrum Alliance

EXPERT
CSP: Certified Scrum Professional

SF Salesforce.com

INTERMEDIATE
SALESFORCE.COM: Salesforce.com Certified Administrator

SU SUSE

INTERMEDIATE
SCA: SUSE Certified Administrator

ADVANCED
SCE: SUSE Certified Engineer

EXPERT
SEA: SUSE Enterprise Architect

VM VMWare

BEGINNER/NOVICE
VCA: VMware Certified Associate

INTERMEDIATE
VCP: VMware Certified Professional
VMware Certified Associate Workforce Mobility

ADVANCED
VCIE: VMware Certified Implementation Expert

EXPERT
VCDE: VMware Certified Design Expert

ZD Zend

INTERMEDIATE
PHP Certification

ADVANCED
Framework 2 Certification

CompTIA

Nhập Môn Công Nghệ Thông Tin

Learning Style

Giảng viên: ...

Email: ...



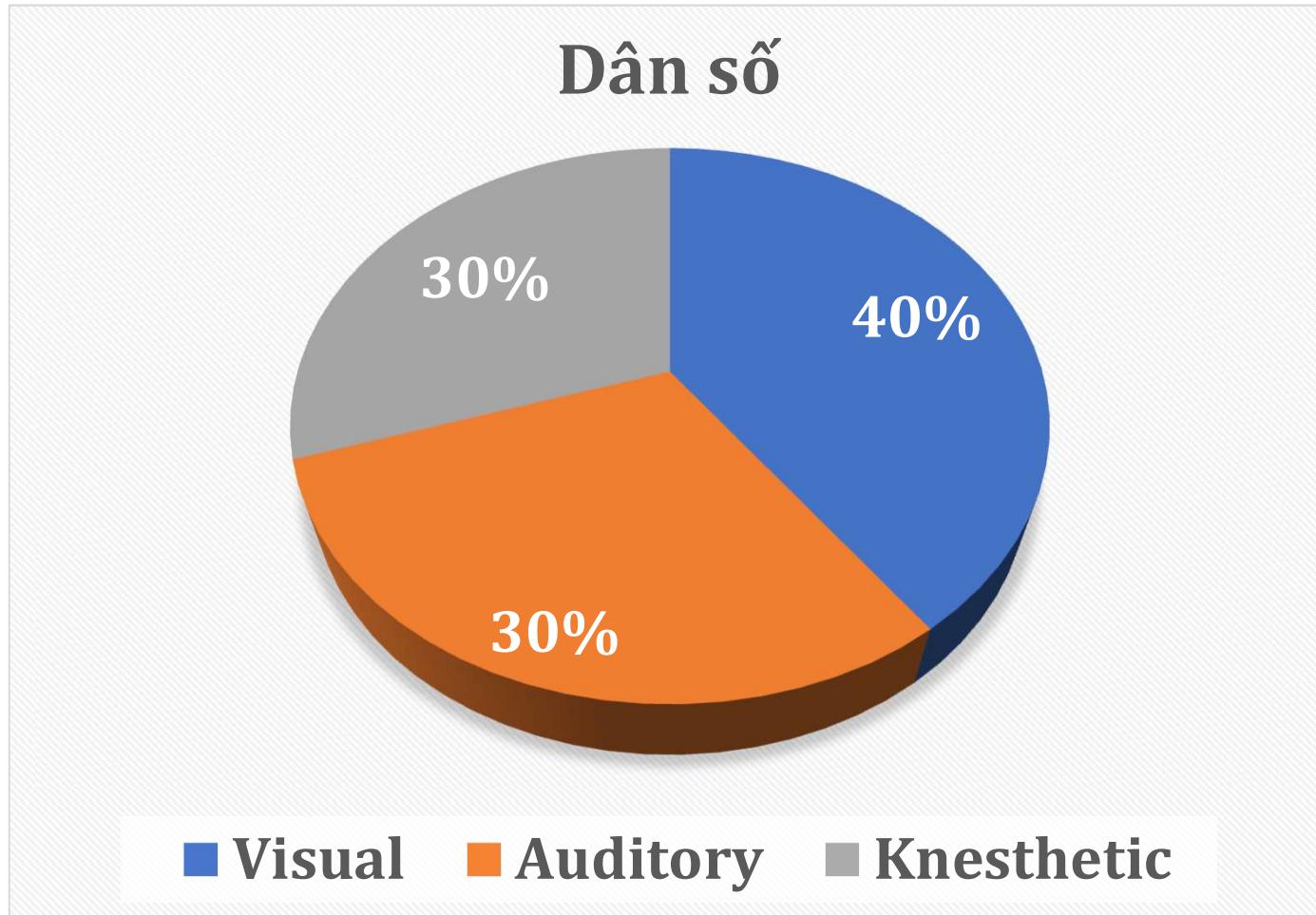
Khoa Công Nghệ Thông Tin
Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên

Learning style là gì?



- Có 3 cách xử lý thông tin: **nhìn**, **nghe** và **làm**
- Learning styles cách xử lí mình thường dùng nhất
 - **Visual Learners**
 - **Auditory Learners**
 - **Tactile Learners**

Learning styles – an Overview



Tại sao cần hiểu learning style?

- Giúp lựa chọn ngành nghề
- Giúp chọn chuyên ngành học phù hợp
- Chọn chiến lược phù hợp với phong cách học

Visual learner

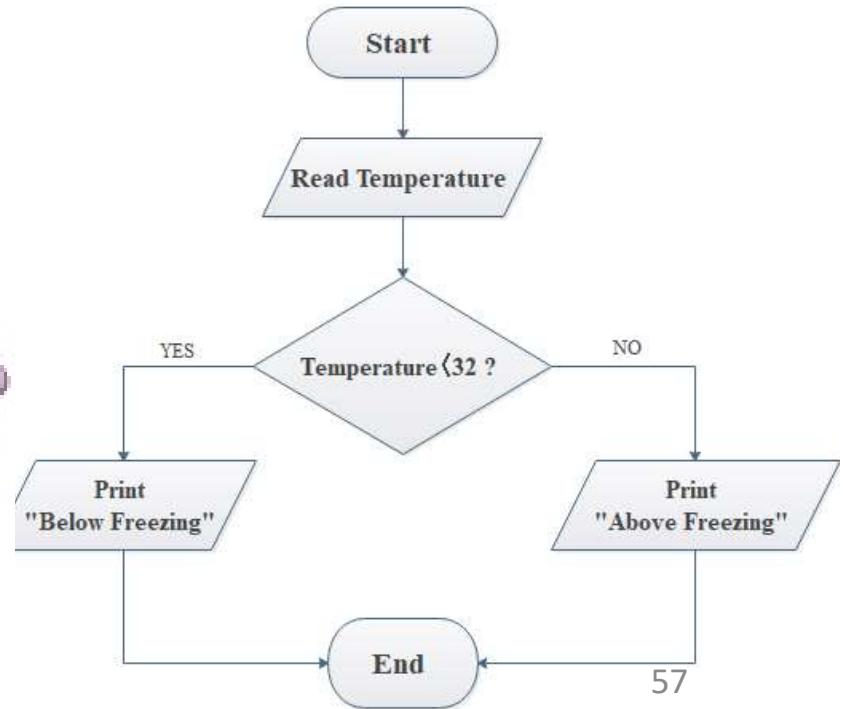
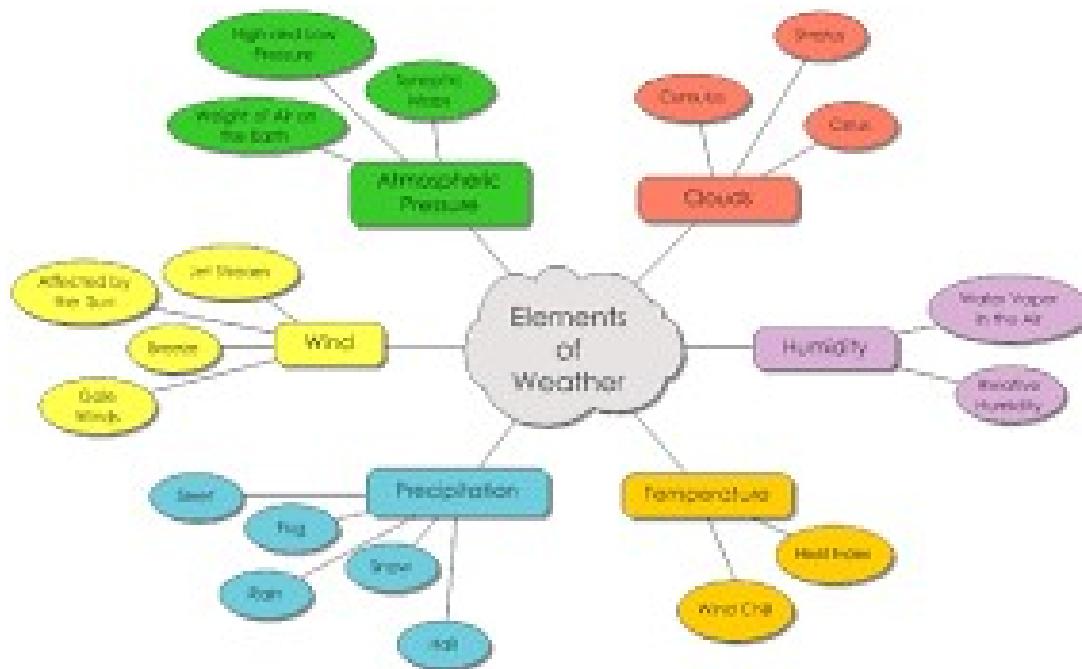
- Liên kết màu sắc với thông tin
- Thích thông tin dưới dạng hình ảnh, đồ thị, powerpoint
- Trực quan những gì nghe được
- Bị phân tâm khi bài giảng thiếu trực quan



"When I see it, then I understand"

Giải pháp

- Tạo concept map/ flow chart
- Dùng video và hình ảnh liên quan đến chủ đề
- Định dạng văn bản và ghi chú
- Dùng kí hiệu để trình bày thông tin



Auditory learner

- Thích nghe đọc lớn thông tin
- Thích nghe thuyết giảng

Auditory
Hear It



Giải pháp

- Tham gia các lớp thuyết giảng
- Học nhóm để nghe mọi người thảo luận các khái niệm
- Ghi âm bài giảng, ghi chú và nghe lại sau đó
- Đọc to trong khi viết

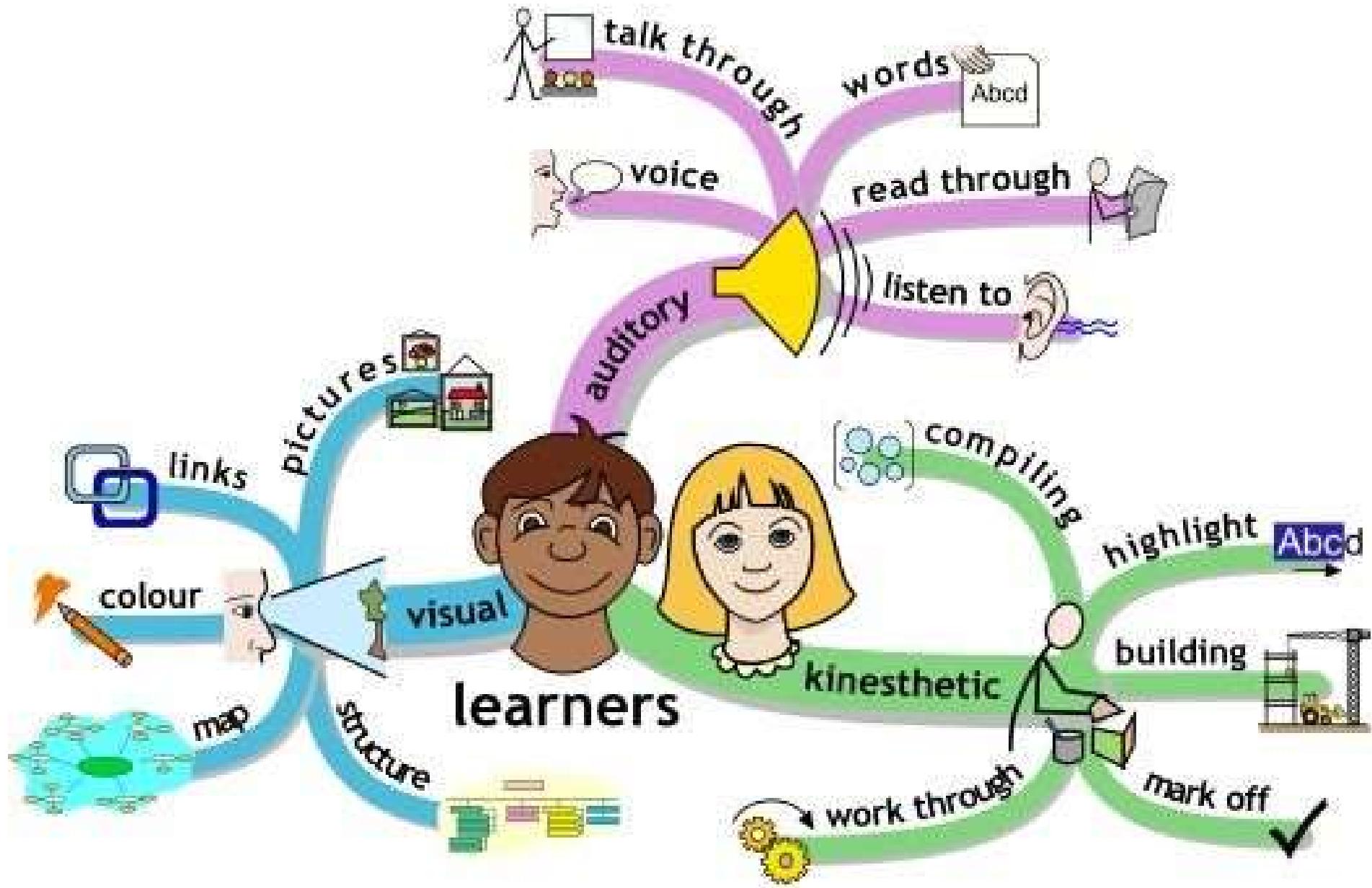
Kinaesthetic learner

- Thích hoạt động tương tác
- Học thông qua trải nghiệm thực tế



Giải pháp

- Tạo đồ thị, lược đồ hoặc hình ảnh
- Ghi chú, flash card
- Ứng dụng nội dung học
- Trình bày nhóm
- Cho ví dụ để học các khái niệm và nguyên lý



Nhập Môn Công Nghệ Thông Tin

Các Kênh Hỗ Trợ Sinh Viên Của Khoa CNTT

Giảng viên: ...

Email: ...



Khoa Công Nghệ Thông Tin
Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên



Hết!



Hoạt động cá nhân

- **Tự định hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch cho nghề nghiệp bạn đã chọn**
- **Luật chơi:**
 - Lập bảng tự đánh giá bản thân
 - Lập danh sách nghề nghiệp mong muốn
 - Giới hạn lại danh sách bằng cách gạch bỏ và lý giải tại sao bạn loại
 - Đặt mục tiêu và lập kế hoạch cho mục tiêu đã đặt ra
 - Lập kế hoạch học tập cho ngành nghề đã chọn
 - Các tín chỉ cần thiết cho ngành nghề đã chọn
 - Xác định learning style của mình, đánh giá ưu – khuyết điểm và đưa ra phương pháp học hiệu quả

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Project Management Professional**

- PMP là chứng chỉ quan trọng cho vị trí project manager
- Đánh giá một cá nhân có kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý dự án thành công, đúng hạn, đúng ngân sách và tài nguyên được phân bổ
- Cung cấp bởi Project Management Institute

- **Certified in Risk and Information Systems Control**

- CRISC chứng nhận khả năng quản lý rủi ro trong dự án HTTT
- Ví trí quản trị dự án, chuyên gia CNTT
- Do Information Systems Audit and Control Association (ISACA) cấp

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Microsoft Certified Solutions Associate**
 - MCSA chứng nhận kiến thức và kỹ năng sử dụng công cụ, công nghệ và ứng dụng trên nền tảng Microsoft
 - Chứng chỉ dành cho vị trí: Systems Administrator, IT Manager, and Network Administrator
 - Cung cấp bởi Microsoft
- **Microsoft Certified Systems Engineer**
 - MCSE đánh giá năng lực thiết kế, thực hiện và quản trị các ứng dụng dựa trên MS 2000 Windows Server và các nền tảng Windows khác
 - Ứng viên cần trải qua 7 kỳ thi về hệ thống mạng, hệ điều hành máy khách và thiết kế
 - Do Microsoft cấp

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Certified Information Systems Security Professional**
 - CISSP là chứng nhận cho các chuyên gia phát triển chính sách và thủ tục trong bảo mật thông tin
 - Vị trí Security Managers và Security Professionals
 - Được cấp bởi International Information Systems Security Certification Consortium (ISC)²
- **VMware Certified Professional**
 - VCP là chứng chỉ đánh giá khả năng cài đặt, cấu hình và nâng cấp vCenter Server, VMware ESXi, vSphere Networking, vSphere Storage, và triển khai Virtual Machines, vApps
 - Dành cho các vị trí: VMware Administrator, Program Analyst, Virtualization Engineer, and Technical Consultant
 - Do VMware Inc cấp

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Oracle Certified Associate-DBA 11g**

- Chứng nhận kiến thức và kỹ năng sử dụng các tính năng trên CSDL Oracle
- Dành cho vị trí Oracle Database Administrator, Database Developer, SQL Database Administrator
- Được cấp bởi Oracle

- **Oracle Certified Associate, Java SE 7 Programmer**

- Tăng kiến thức và kỹ năng sử dụng các công cụ phát triển, chức năng và công nghệ java server và web server
- Ví trí Application Programmer, Java Developer, Software Engineer, and Program Analyst
- Do Oracle cấp

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Microsoft Certified Technology Specialist**
 - MCTS cung cấp kỹ năng cài đặt, bảo trì và xử lý một công nghệ nào đó của Microsoft
 - Vị trí chuyên gia công nghệ MS
 - Do Microsoft cấp
- **Apple Certified Technical Coordinator**
 - Được thiết kế cho entry-level system administrators để hỗ trợ người dùng Mac OS X và duy trì Mac OS X Server
 - Ví trí IT Specialist, Mac Network Manager, and Mac Support Technician
 - Do Apple Inc cấp

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Cisco Certified Network Associate**

- CCNA chứng nhận khả năng cài đặt, cấu hình, thao tác và giải quyết sự cố trong Route and Switched Networks loại vừa
- Vị trí Network Engineer, Information Technology Manager, System Administrator and Network Administrator
- Do Cisco cấp

- **Red Hat Certified System Administrator**

- RHCSA cung cấp kỹ năng quản trị hệ thống Red Hat Enterprise Linux Environments
- Vị trí Systems Administrator, Linux Server Administrator, Linux Engineer
- Do Red Hat cấp

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Certified Ethical Hacker**

- CEH cung cấp kiến thức để xác định các lỗ hổng bảo mật và kỹ thuật vá lỗ hổng tiềm ẩn cho các doanh nghiệp
- Do EC-Council cấp

- **Security+**

- Đánh giá kiến thức căn bản về bảo mật: bảo mật mạng, hạ tầng mạng lưới, kiểm soát truy cập, các nguyên tắc bảo mật trong tổ chức, ...
- Do CompTIA cấp

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Certified Solutions Architect**
 - Đánh giá khả năng thiết kế và triển khai các ứng dụng trên công nghệ AWS
 - Do Amazon cấp
- **IT Infrastructure Library Certificate**
 - ITIL là chứng chỉ cho vị trí IT services
 - Đánh giá khả năng điều phối tiến trình, biến cố, các thay đổi và phân tích cấu hình
 - Cung cấp bởi AXELOS

Một số chứng chỉ phổ biến

- **Google Apps**

- Đánh giá kỹ năng triển khai, cấu hình Google Apps for Work (Certified Deployment Specialist) hoặc quản trị domain Google Apps (Certified Administrator)
- Do Google cấp

- **Adobe Certified Expert**

- ACE đánh giá khả năng sử dụng các sản phẩm của Adobe: analytics, target, dreamweaver, flash, ColdFusion,...
- Ví trí thiết kế đồ họa, thiết kế và phát triển web
- Do Adobe cấp